

Số: 24/2023/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 02 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt**  
**trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và*  
*Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm*  
*2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy*  
*phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm*  
*2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của*  
*Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của*  
*Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi*  
*trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của*  
*Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật*  
*Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số*  
*2009/TTr-STNMT ngày 15 tháng 5 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công

Giao thông vận tải, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình; Tổng biên tập Báo Đồng Khởi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2023 và thay thế Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT. UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng: TH, KT, TCĐT, KGVX;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NKP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Ngọc Tam**





ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

**Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre**  
(Kèm theo Quyết định số 24 /2023/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trong hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã); các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong nước và nước ngoài (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác thải sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.

2. Chất thải rắn công kênh là vật dụng gia đình được thải bỏ có kích thước lớn như tủ, giường, nệm, bàn, ghế hoặc các vật dụng tương tự khác hoặc gốc cây, thân cây, cành cây. Chất thải rắn công kênh được quản lý như rác thải sinh hoạt.

3. Chủ nguồn thải là tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc được giao quản lý, điều hành cơ sở phát sinh chất thải.

4. Cơ sở thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt là tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo quy định.



5. Chủ xử lý rác thải sinh hoạt là tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc được giao quản lý, điều hành cơ sở xử lý rác thải sinh hoạt.

6. Cơ sở xử lý rác thải sinh hoạt là cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý rác thải sinh hoạt (kể cả hoạt động tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải).

7. Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt là nơi chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt từ các loại phương tiện thu gom tại nguồn thải (như khu vực công cộng, quét dọn vệ sinh đường phố, hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh) để chuyển sang phương tiện cơ giới có tải trọng lớn.

8. Trạm trung chuyển là nơi tập kết và lưu trữ rác thải sinh hoạt tạm thời để trung chuyển lên xe và vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn tập trung.

9. Khu xử lý chất thải rắn tập trung (còn gọi là Khu liên hợp xử lý chất thải rắn) là khu vực được tỉnh quy hoạch để tiếp nhận và xử lý tập trung một hoặc nhiều loại chất thải bao gồm chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và các loại chất thải rắn khác, trừ hoạt động đồng xử lý chất thải và xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm. Khu xử lý chất thải tập trung là một hoặc nhiều cơ sở xử lý chất thải, bãi chôn lấp.

10. Giá dịch vụ là số tiền mà bên được cung ứng dịch vụ chi hoặc trả cho bên cung ứng dịch vụ.

11. Tái chế chất thải là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật để thu lại các thành phần có giá trị từ chất thải.

12. Tái sử dụng chất thải là việc sử dụng lại chất thải một cách trực tiếp hoặc sử dụng sau khi đã sơ chế. Sơ chế chất thải là việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật cơ - lý đơn thuần nhằm thay đổi tính chất vật lý như kích thước, độ ẩm, nhiệt độ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân loại, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý nhằm phối trộn hoặc tách riêng các thành phần của chất thải cho phù hợp với các quy trình quản lý khác nhau.

13. Bao bì nhựa khó phân hủy sinh học là bao bì có thành phần chính là polyme có nguồn gốc từ dầu mỏ như nhựa Polyme Etylen (PE), Polypropylen (PP), Polyme Styren (PS), Polyme Vinyl Clorua (PVC), Polyethylene Terephthalate (PET) và thường khó phân hủy, lâu phân hủy trong môi trường thải bỏ (môi trường nước, môi trường đất hoặc tại bãi chôn lấp chất thải rắn).

14. Phân loại chất thải là hoạt động phân tách chất thải (đã được phân định) trên thực tế nhằm chia thành các loại hoặc nhóm chất thải để có các quy trình quản lý khác nhau.

#### **Điều 4. Nguyên tắc chung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt**

1. Theo các quy định chung của Pháp luật hiện hành về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.



2. Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý trong toàn bộ quá trình phát sinh, giảm thiểu, phân loại, thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý theo các quy định hiện hành.

3. Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm phân loại tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý và chi trả giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Hạn chế sử dụng bao bì (túi) ni-lông khó phân hủy sinh học để lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, khuyến khích sử dụng túi thân thiện môi trường.

5. Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

6. Khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý và thu hồi năng lượng từ quá trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt; áp dụng công nghệ xử lý chất thải tiên tiến, thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất nhằm giảm thiểu, kiểm soát chất thải thứ cấp phát sinh, hạn chế tối đa lượng chất thải rắn phải chôn lấp; khuyến khích đồng xử lý chất thải, sử dụng chất thải làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thay thế.

## **Chương II** **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 5. Phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt**

1. Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt thực hiện phân loại tại nguồn theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 75 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Việc tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt quy định tại khoản 1 Điều này do Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo lộ trình cụ thể để Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện. Việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, giám sát, tuyên truyền và vận động cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp chấp hành theo quy định, bảo đảm yêu cầu thuận lợi cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý.

3. Chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn sau khi phân loại được lưu giữ trong bao bì (túi) hoặc thiết bị lưu giữ (thùng) riêng biệt; bao bì (túi) hoặc thiết bị lưu giữ (thùng) phải có màu sắc hoặc dán nhãn để nhận biết các loại chất thải theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Bao bì (túi), thiết bị lưu giữ (thùng) chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại phải đáp ứng các yêu cầu như sau:



a) Đảm bảo lưu chứa an toàn chất thải rắn sinh hoạt, có khả năng chống thấm, không rò rỉ nước rác và có dung tích, kích thước phù hợp với khối lượng chất thải phát sinh và thời gian lưu giữ.

b) Bao bì (túi) phải được buộc kín, thiết bị lưu giữ (thùng) phải có nắp đậy kín để đảm bảo không phát tán mùi; có màu sắc và dán nhãn theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh để nhận biết thực hiện phân loại.

5. Hạn chế sử dụng bao bì (túi) ni-lông khó phân hủy sinh học để chứa chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại, khuyến khích sử dụng túi ni-lông dễ phân hủy sinh học, túi thân thiện môi trường để thay thế các túi ni-lông khó phân hủy.

6. Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị mới, khu chung cư phải tổ chức thu gom chất thải rắn sinh hoạt thuộc phạm vi quản lý, bố trí thiết bị, công trình lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật với từng loại chất thải theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều này.

7. Chủ nguồn thải có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với tổng khối lượng dưới 300 kg/ngày được lựa chọn hình thức chuyên giao theo quy định tại khoản 3 và khoản 4, Điều 75 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; trường hợp có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với tổng khối lượng từ 300 kg/ngày trở lên phải thực hiện chuyên giao theo quy định tại khoản 2, Điều 58 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

8. Khi thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, cá nhân, hộ gia đình có thể chuyên giao (bán, tặng) nhóm chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng cho cơ sở thu gom, vận chuyển hoặc cơ sở thu mua có khả năng tái chế, tái sử dụng hoặc cơ sở tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý và xử lý có chức năng phù hợp.

## **Điều 6. Quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt**

1. Quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo các quy định như sau:

a) Hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

b) Cơ sở thu gom, vận chuyển phải thực hiện trách nhiệm được quy định tại Điều 61 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

c) Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải là phương tiện vận chuyển chuyên dụng; được kiểm định và được cơ quan chức năng cấp phép lưu



hành. Phương tiện vận chuyển phải đi đúng tuyến đường, thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Ưu tiên sử dụng công nghệ thông tin để phục vụ cho công tác quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

đ) Nhóm rác thải sinh hoạt có chứa thành phần nguy hại được quản lý theo các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý chất thải nguy hại.

## 2. Quy định kỹ thuật về thu gom chất thải rắn sinh hoạt

a) Chủ nguồn thải thực hiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt đã phân loại đến điểm tập kết, trạm trung chuyển hoặc chuyển giao trực tiếp hoặc bố trí thiết bị lưu giữ trước cửa nhà, trước công cơ quan, tổ chức để cơ sở thu gom đến lấy trong khoảng thời gian quy định.

b) Tùy vào đặc điểm của mỗi khu vực, khu dân cư, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ sở thu gom và đại diện cá nhân, hộ gia đình và chủ nguồn thải thỏa thuận, xác định hình thức thông báo (dùng loa, chuông hoặc hình thức khác) và thời gian chuyển giao, thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đảm bảo kết nối hiệu quả giữa công tác thu gom với công tác vận chuyển và đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan cho khu vực.

c) Trong trường hợp cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải không có điều kiện chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho cơ sở thu gom theo thời gian quy định, Trưởng khu phố hoặc Trưởng ấp lập danh sách, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xác định thời gian thu gom và vị trí đặt thiết bị lưu giữ (thùng) tập trung hoặc điểm tập kết chất thải cho các chủ nguồn thải này. Dung tích thùng chứa tùy vào số lượng chủ nguồn thải đăng ký và khối lượng chất thải phát sinh.

d) Cơ sở thu gom đảm bảo thu gom riêng biệt các nhóm chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại; không được phép thu gom chất thải rắn sinh hoạt có lẫn chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường đến điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt ngoài phạm vi hợp đồng đã ký hoặc văn bản bàn giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền.

đ) Cơ sở thu gom có trách nhiệm nhắc nhở, hướng dẫn chủ nguồn thải phải thực hiện việc phân loại, lưu giữ chất thải, thời gian và phương thức chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định hiện hành. Trong trường hợp Chủ nguồn thải vi phạm hơn 03 (ba) lần/tháng, cơ sở thu gom có quyền từ chối thu gom chất thải rắn sinh hoạt của chủ nguồn thải đã vi phạm và thông báo ngay đến Ủy ban nhân dân cấp xã để kiểm tra, xử lý theo quy định. Cơ sở thu gom từ chối việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt của chủ nguồn thải đã vi phạm mà không thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.



e) Quá trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ chủ nguồn thải đến các điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển, phương tiện thu gom (cơ giới và thủ công) đảm bảo các yêu cầu như sau:

- An toàn về kỹ thuật, vệ sinh môi trường (kín, đảm bảo không rơi vãi chất thải, rò rỉ nước rác ra môi trường).

- Phương tiện phải có dán hoặc sơn màu phản quang, ghi rõ thông tin đơn vị chủ quản, trang bị đèn cảnh báo vào ban đêm.

- Quy cách kỹ thuật của phương tiện phải đáp ứng được lộ trình triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tần suất thu gom cho từng nhóm chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với đặc điểm dân cư từng khu vực (đô thị và nông thôn); trong đó nhóm rác thải thực phẩm không được lưu giữ tại nguồn quá 48 giờ và tại các điểm tập kết, trạm trung chuyển không quá 24 giờ. Trên cơ sở quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, căn cứ điều kiện cung ứng dịch vụ thu gom, ý kiến của cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải, Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể tần suất, thời gian thu gom phù hợp trên địa bàn quản lý.

3. Cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải có thể đánh giá chất lượng dịch vụ thu gom, vận chuyển (phương thức, thời gian, tần suất, vệ sinh môi trường thu gom, vận chuyển) của cơ sở cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển. Trong trường hợp chất lượng dịch vụ thu gom, vận chuyển không đạt yêu cầu theo hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển thì chủ nguồn thải kịp thời phản ánh lên Trưởng khu phố hoặc Trưởng ấp để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giám sát, kiểm tra và nhắc nhở bằng văn bản hoặc biên bản đối với cơ sở cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển. Trong trường hợp cơ sở cung ứng dịch vụ thu gom có hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển hơn 03 (ba) lần được thể hiện bằng văn bản hoặc biên bản nhắc nhở của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để xử lý theo quy định pháp luật.

#### 4. Quy định kỹ thuật về vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Quá trình thu gom, trung chuyển, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các điểm tập kết, trạm trung chuyển đến khu xử lý chất thải rắn tập trung, cơ sở xử lý, cơ sở tái chế, tái sử dụng hoặc bãi chôn lấp cuối cùng phải tuân thủ các quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, lộ trình vận chuyển do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, đảm bảo kết nối hiệu quả thời gian hoạt động của các điểm tập kết, trạm trung chuyển và thời gian hoạt động của cơ sở thu gom, vận chuyển trên cơ sở hạn chế tối đa việc lưu thông vào giờ cao điểm.



b) Hoạt động vận chuyển phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ hoặc đường thủy; đảm bảo tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật và chất lượng vệ sinh môi trường trong quá trình vận chuyển, trong vận hành các điểm tập kết và trạm trung chuyển.

c) Hoạt động vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải được kiểm soát và ghi nhận đầy đủ thông tin về toàn bộ khối lượng chất thải tiếp nhận tại các điểm tập kết, trung chuyển (thời gian, nguồn gốc, khối lượng ước tính, loại chất thải tiếp nhận...) vào sổ nhật ký công tác. Không được phép vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có lẫn chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường từ các doanh nghiệp đến cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung ngoài phạm vi hợp đồng đã ký hoặc văn bản bàn giao nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền.

d) Phương tiện, thiết bị vận chuyển phải đảm bảo vận chuyển riêng biệt các loại chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại; đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được quy định tại Điều 27 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

đ) Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình - xác định vị trí và ghi lại hành trình vận chuyển và truyền, cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

e) Hệ thống phương tiện vận chuyển đáp ứng số lượng phương tiện, yêu cầu về tải trọng và kỹ thuật phục vụ cho công tác thu gom, vận chuyển hiệu quả, kịp thời, nhanh chóng, không để tồn đọng chất thải rắn sinh hoạt; không tập trung quá nhiều phương tiện vận chuyển tại một điểm khi đang thực hiện lộ trình vận chuyển gây cản trở và mất an toàn giao thông.

g) Lộ trình vận chuyển phải bảo đảm tối ưu về cự ly vận chuyển. Ưu tiên sử dụng phương tiện vận chuyển có tải trọng lớn để vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển trực tiếp vận chuyển về cơ sở xử lý chất thải rắn; hạn chế tối đa việc vận chuyển chất thải từ các điểm tập kết về trạm trung chuyển.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch và tổ chức lực lượng kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất đối với các cơ sở cung ứng dịch vụ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt làm căn cứ đánh giá chất lượng dịch vụ. Phương thức kiểm tra, giám sát bằng trực quan, hình ảnh và thăm dò ý kiến người dân xung quanh về chất lượng dịch vụ; kết quả kiểm tra, giám sát được thể hiện bằng biên bản làm cơ sở đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật trong trường hợp cơ sở cung ứng dịch vụ vận chuyển chất thải có hành vi vi phạm.

#### 6. Quy định kỹ thuật về điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ sở thu gom, vận chuyển quyết định lựa chọn, bố trí vị trí điểm tập kết



theo quy định tại Điều 76 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với điểm tập kết theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Vị trí được lựa chọn làm điểm tập kết phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, hạn chế ảnh hưởng đến giao thông, môi trường xung quanh và phải cách xa nơi có kinh doanh thực phẩm, cơ sở y tế, trường học, cơ quan hành chính, các điểm giao lộ theo quy định hiện hành.

c) Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị mới, khu chung cư phải bố trí các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật môi trường thuộc phạm vi quản lý để lưu giữ tạm thời trước khi vận chuyển đi xử lý theo quy định.

d) Thời gian tập kết và quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết phải phù hợp, đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường; thiết kế theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí trong quá trình vận hành và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật như sau:

- Bố trí khu vực tiếp nhận, lưu giữ các nhóm chất thải rắn sinh hoạt (nhóm rác thải thực phẩm; nhóm rác thải tái chế, tái sử dụng; nhóm rác thải sinh hoạt có chứa thành phần nguy hại; nhóm rác thải sinh hoạt khác...) đáp ứng lộ trình triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian lưu giữ đối với nhóm rác thải thực phẩm không quá 24 giờ; nhóm rác thải tái chế, tái sử dụng và nhóm rác thải sinh hoạt khác không quá 48 giờ.

- Nền có độ cao đảm bảo không ngập lụt, tránh nước mưa chảy tràn; nền cứng, không rạn nứt, không bị thấm thấu; có mái che nắng, mưa cho toàn khu vực lưu giữ; có hệ thống thu gom nước rỉ rác.

- Điểm tập kết phải có bố trí đơn vị quản lý và vận hành; trang bị thiết bị, vật liệu đảm bảo các quy định về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động; đặt biển báo, nhãn dán để cảnh báo, phòng ngừa với từng nhóm chất thải được lưu giữ theo quy định hiện hành.

- Đơn vị quản lý và vận hành phải công bố thời gian hoạt động và số điện thoại đường dây nóng ngay tại cổng ra, vào để người dân được biết và phản ánh các vấn đề về môi trường.



đ) Điểm tập kết không được phép tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt từ các tỉnh, thành khác khi chưa có sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền; không được phép tiếp nhận chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ các doanh nghiệp; không được phép tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt có trộn lẫn với chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường.

#### 7. Quy định kỹ thuật về trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định về sự cần thiết, lựa chọn, bố trí vị trí, công suất, công nghệ của trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Việc thiết kế, xây dựng trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải theo quy định tại Điều 76 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng các quy chuẩn, kỹ thuật quốc gia về hạ tầng, kỹ thuật môi trường (tiếng ồn, nước thải, khí thải, mùi hôi, cự ly so với khu dân cư, các khu vực công cộng, cơ sở kinh doanh thực phẩm, cơ sở y tế, trường học, cơ quan hành chính, các điểm giao lộ...).

b) Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật như sau:

- Nền có độ cao đảm bảo không ngập lụt, tránh nước mưa chảy tràn; nền cứng, không rạn nứt, không bị thấm thấu.

- Có mái che nắng, mưa cho toàn khu vực lưu giữ và có hệ thống thu gom, xử lý nước rỉ rác theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Trạm trung chuyển phải có bố trí đơn vị quản lý và vận hành; trang bị thiết bị, vật liệu đảm bảo các quy định về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, bảo vệ sức khỏe, sơ đồ và ký hiệu hướng dẫn thoát hiểm; đặt biển báo, nhãn dán để cảnh báo, phòng ngừa với từng nhóm chất thải được lưu giữ theo quy định hiện hành; trang bị biển báo khu vực giao thông, khu vực đậu chờ, phân luồng giao thông.

- Đơn vị quản lý và vận hành phải công bố thời gian hoạt động và số điện thoại đường dây nóng ngay tại cổng ra vào của trạm để người dân được biết và phản ánh các vấn đề về môi trường.

- Bố trí nhân viên điều phối phương tiện thu gom, vận chuyển ra, vào trạm đảm bảo các quy định về an toàn giao thông đường bộ.

- Kiểm soát chặt chẽ khối lượng, thành phần chất thải rắn sinh hoạt ra, vào trạm; thực hiện sổ nhật ký công tác ghi nhận tên chủ thu gom, vận chuyển, biển số xe, thời gian, nguồn gốc, khối lượng, loại chất thải rắn... ra, vào trạm.



- Thời gian lưu giữ đối với nhóm rác thải thực phẩm không quá 24 giờ; nhóm rác thải tái chế, tái sử dụng và nhóm rác thải sinh hoạt khác không quá 48 giờ.

c) Đơn vị quản lý và vận hành phải cung cấp các thông tin dữ liệu về nhật ký công tác, camera giám sát cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt vị trí trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt khi được yêu cầu.

d) Đơn vị quản lý và vận hành phải thực hiện các thủ tục pháp lý về bảo vệ môi trường; vận hành, kiểm tra, giám sát chất lượng môi trường theo quy định của pháp luật.

đ) Trạm trung chuyển không được phép tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt từ các tỉnh, thành khác khi chưa có sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền; không được phép tiếp nhận chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ các doanh nghiệp; không được phép tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt có trộn lẫn với chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường; trong trường hợp trạm trung chuyển tiếp nhận các loại rác thải này, đơn vị quản lý và vận hành bị xử phạt theo các quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Quản lý chất thải rắn công kênh**

1. Tổ chức, cá nhân, chủ nguồn thải có thể tự vận chuyển hoặc thỏa thuận với cơ sở thu gom, vận chuyển để yêu cầu dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công kênh đến nơi tiếp nhận.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt xác định và công bố nơi tiếp nhận chất thải rắn công kênh (điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt).

3. Chất thải rắn công kênh được thu gom, vận chuyển và xử lý như chất thải rắn sinh hoạt. Tần suất thu gom, vận chuyển chất thải rắn công kênh từ điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển đến cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt tối thiểu là 01 (một) lần/tháng. Công tác quản lý chất thải rắn công kênh là một trong những nội dung trong đấu thầu hoặc đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

### **Điều 8. Quản lý hoạt động thu gom chất thải rắn trên đường, khu vực công cộng và thu gom trên sông, rạch, kênh, mương, ven biển**

1. Quản lý hoạt động thu gom chất thải rắn trên đường, khu vực công cộng

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ đặc điểm, nhu cầu địa phương để xác định sự cần thiết và quyết định khối lượng công việc liên quan đến công tác thu gom chất thải rắn trên đường, khu vực công cộng (tuyến đường, diện tích, thời



gian, tần suất) làm cơ sở đấu thầu hoặc đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ cho đơn vị cung ứng dịch vụ này theo quy định pháp luật.

b) Trong trường hợp trên đường, khu vực công cộng có chất thải rắn như đất, đá, bùn, cát hoặc chất thải rắn xây dựng bị rơi vãi gây mất an toàn giao thông và mỹ quan, Ủy ban nhân dân cấp xã xác định nguồn gốc chất thải, chỉ đạo, yêu cầu chủ nguồn thải khắc phục trong thời gian 01 giờ (trường hợp gây mất an toàn giao thông) và trong 10 giờ (trường hợp gây mất mỹ quan nơi công cộng). Đối với chất thải không xác định được nguồn gốc thì Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn khắc phục trong thời gian 04 giờ.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lực lượng kiểm tra, giám sát trực tiếp để đánh giá chất lượng dịch vụ vệ sinh môi trường bằng hình thức trực quan, hình ảnh và thăm dò ý kiến người dân xung quanh bằng phiếu khảo sát; kết quả kiểm tra, giám sát được thể hiện bằng biên bản làm cơ sở đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật trong trường hợp phát hiện các vấn đề gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường liên quan đến quá trình cung ứng dịch vụ.

2. Quản lý hoạt động thu gom chất thải rắn trên sông, rạch, kênh, muông, ven biển

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện đấu thầu hoặc đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đơn vị cung ứng dịch vụ vớt, thu gom chất thải rắn trên sông, rạch, kênh, muông, bờ biển, ven biển trên địa bàn quản lý đảm bảo vệ sinh môi trường và giao thông đường thủy.

b) Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý các công trình thủy lợi chịu trách nhiệm vớt, thu gom chất thải rắn trong phạm vi công trình quản lý đảm bảo vệ sinh môi trường, chất lượng nguồn nước.

c) Căn cứ theo đặc điểm, nhu cầu của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan, đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi xác định phương án, khối lượng công việc liên quan đến vớt, thu gom chất thải rắn trên sông, rạch, kênh, muông, bờ biển, ven biển gồm số lượng tuyến, tần suất, thời gian, công nghệ...

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra, giám sát để đánh giá chất lượng dịch vụ cung ứng; kết quả kiểm tra, giám sát được thể hiện bằng biên bản làm cơ sở đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật nếu phát hiện có cơ sở cung ứng dịch vụ thu gom rác thải có hành vi vi phạm pháp luật.

3. Chất thải rắn sau khi được thu gom theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được vận chuyển, xử lý theo quy định về quản lý chất thải rắn sinh



hoạt. Nội dung công việc này là một phần trong nội dung đấu thầu hoặc đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đơn vị cung ứng dịch vụ.

### **Điều 9. Quản lý hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

1. Quản lý nhà nước về hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 78 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt

a) Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

b) Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, việc lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 59 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Địa điểm lựa chọn đầu tư xây dựng khu xử lý, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh phải phù hợp với chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn và quy hoạch của tỉnh trong từng thời kỳ phát triển.

4. Công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt được lựa chọn theo các tiêu chí quy định tại Điều 28 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Khuyến khích việc đầu tư xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải rắn tập trung (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn nguy hại) quy mô cấp tỉnh; ưu tiên áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường, tiết kiệm diện tích đất và đã thành công trong thực tiễn; ưu tiên lựa chọn công nghệ xử lý có thu hồi năng lượng và thành phần có ích trong chất thải rắn nhằm giảm tỷ lệ chôn lấp, không gây ảnh hưởng môi trường.

6. Triển khai xây dựng và vận hành các khu xử lý, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh phải tuân thủ theo nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 10. Chính sách ưu đãi về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

1. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư, tham gia xã hội hóa trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được hưởng các chế độ ưu đãi về đầu tư và các ưu đãi khác theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-



CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư, Thông tư số 121/2008/TT-BTC ngày 12/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn và theo các ưu đãi đầu tư khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Cấp huyện hoặc cấp xã có địa điểm được lựa chọn quy hoạch, xây dựng khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt hoặc khu liên hợp xử lý chất thải rắn của tỉnh (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn nguy hại) được ưu tiên hỗ trợ thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này.

### **CHƯƠNG III**

## **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT**

### **Điều 11. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh**

#### **1. Sở Tài nguyên và Môi trường**

a) Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, khu liên hợp xử lý rác thải; cơ sở tái chế, tái sử dụng; bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất về môi trường đối với hoạt động thu gom, trung chuyển, vận chuyển và xử lý chất thải; giám sát việc thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến hoạt động xử lý chất thải thuộc thẩm quyền.

c) Hướng dẫn kỹ thuật, quy trình quản lý trong việc phân loại, lưu giữ, tập kết, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải rắn sinh hoạt.

d) Phối hợp với Sở Tài chính hằng năm rà soát nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ, hỗ trợ cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

đ) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham gia đánh giá các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách và các nguồn vốn khác liên quan đến quản lý chất thải rắn.

e) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại do ảnh hưởng môi trường tại các khu vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định pháp luật.

g) Tổ chức điều tra, khảo sát, đánh giá, đề xuất triển khai, cải tạo, xử lý ô nhiễm môi trường tại các bãi chôn lấp rác không hợp vệ sinh và khu vực ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt.

h) Chủ trì hướng dẫn việc cải tạo, phục hồi môi trường và quy trình đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động.

i) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng cơ sở dữ liệu về chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; định kỳ hàng năm (trước ngày 31 tháng 12) báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

k) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật thuộc thẩm quyền về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

## 2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, hướng dẫn thủ tục đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý, trạm trung chuyển, điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức thẩm định quy hoạch, thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng cho các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền.

c) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng các điểm tập kết, trạm trung chuyển, cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo các quy định hiện hành; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố danh mục vị trí các điểm tập kết, trạm trung chuyển trong các đô thị, điểm dân cư tập trung, nông thôn đảm bảo vệ sinh môi trường đúng quy định pháp luật.

## 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Hướng dẫn thủ tục đầu tư đối với các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách và các nguồn vốn khác nhằm phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng liên quan đến quản lý chất thải rắn.

c) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt hoặc khu liên hợp xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh cần kêu gọi đầu tư.

d) Tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư phát triển cho công tác liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

đ) Tham mưu xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích việc thu gom, vận chuyển và đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh.

## 4. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp cơ quan có liên quan có ý kiến thẩm định phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của chủ đầu tư hoặc các cơ sở cung cấp dịch vụ theo quy định.



b) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách hàng năm và yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho bảo vệ môi trường hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

c) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị địa phương quản lý, sử dụng kinh phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, điều chỉnh giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

đ) Hằng năm, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất quá trình tổ chức thực hiện cung ứng dịch vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện nhằm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ, đảm bảo quá trình cung ứng dịch vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

5. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan có ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt, khu liên hợp xử lý chất thải rắn của tỉnh; đặt hàng nghiên cứu, chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

#### 6. Sở Giao thông vận tải

a) Quản lý các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Chia sẻ thông tin kế hoạch cấm đường, sửa chữa đường trước 15 ngày áp dụng và thông tin các tuyến đường mật độ lưu thông đông đúc, thường xuyên tắc nghẽn giao thông cần hạn chế xe vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt lưu thông cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để thông tin cho đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển.

c) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện thống nhất các cung đường vận chuyển chính về các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các phương tiện vận chuyển.

7. Sở Y tế chủ trì công tác kiểm soát mầm bệnh tại các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh với tần suất là 02 (hai) lần/năm; ghi nhận hiện trạng và đánh giá việc thực hiện các quy định hiện hành về y tế trong công tác kiểm soát mầm bệnh tại các cơ sở này.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm vận dụng kiến thức thực tế đưa vào chương trình dạy học các nội dung nhằm giáo dục học sinh ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường tại nơi ở và nơi công cộng.



## 9. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ và công an cấp huyện tăng cường công tác phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trên lĩnh vực môi trường; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp có liên quan thực hiện bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội về lĩnh vực môi trường; tăng cường kiểm tra, kiểm soát phương tiện vận chuyển chất thải rắn đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

## 10. Cục Thuế tỉnh

a) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường trong xây dựng, điều chỉnh phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

b) Hướng dẫn các địa phương, cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thực hiện chứng từ, thanh toán tiền thu từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý.

## 11. Các sở, ban, ngành khác

a) Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng Quy định này.

b) Thường xuyên tuyên truyền, vận động bằng các hình thức thiết thực, hiệu quả trong nội bộ cơ quan, đơn vị và đến mọi người dân cùng hưởng ứng, tham gia và xã hội hóa công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

12. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và Báo Đồng Khởi xây dựng phóng sự tuyên truyền, ghi hình, đưa tin về các hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các Đài phát thanh cấp huyện dành thời lượng để tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện hiệu quả công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo Quy định này.

## **Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và tại điểm đ khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 26 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.



2. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình chất lượng vệ sinh môi trường, xảy ra các tình trạng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt không đúng nơi quy định gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn quản lý.

3. Tổ chức triển khai, hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động Nhân dân thực hiện nghiêm chỉnh chấp hành các Quy định này và các quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

4. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan:

a) Xác định sự cần thiết, vị trí và quy mô các điểm tập kết/trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý; đề xuất vị trí, công suất, công nghệ trạm trung chuyển phục vụ cho nhu cầu trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo Quy định này.

b) Chỉ đạo xây dựng tuyến thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phù hợp tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo tối ưu về cự ly vận chuyển và tình hình giao thông tại khu vực; chỉ đạo sắp xếp thời gian hoạt động của các điểm tập kết, trạm trung chuyển và các cơ sở thu gom, vận chuyển đảm bảo công tác vệ sinh môi trường.

c) Xác định thời gian, tuyến đường, tần suất thực hiện thu gom chất thải rắn trên đường phố, nơi công cộng, sông, rạch, kênh, mương, ven biển theo Quy định này; mạng lưới, vị trí, số lượng, dung tích, mẫu mã thùng rác công cộng; các vị trí cụ thể được thải bỏ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực công cộng.

d) Xác định vị trí quy hoạch xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt/ bãi chôn lấp hợp vệ sinh tập trung cấp huyện.

5. Tổ chức đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định và phù hợp với thực tế tại địa phương.

6. Chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng vệ sinh, nghiệm thu khối lượng công việc thực hiện của các cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý.

7. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy định này trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền hoặc chuyển người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Định kỳ 02 (hai) lần/năm phối hợp Sở Y tế kiểm tra, ghi nhận hiện trạng và đánh giá việc thực hiện các quy định hiện hành về y tế trong công tác kiểm soát mầm bệnh tại các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc thẩm quyền quản lý.

8. Trực tiếp xem xét, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh



hoạt, trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh biện pháp xử lý theo quy định.

9. Công bố rộng rãi số điện thoại đường dây nóng lĩnh vực môi trường của cấp huyện để người dân được biết và phản ánh các vấn đề về môi trường.

10. Định kỳ 02 (hai) lần/năm (trước ngày 30 tháng 6 và trước ngày 30 tháng 11) tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý; định kỳ xây dựng và triển khai kế hoạch tổng vệ sinh môi trường tại địa phương.

2. Tổ chức triển khai hoạt động tuyên truyền, vận động chủ nguồn thải và các tầng lớp nhân dân thực hiện hiệu quả phân loại, thu gom, tập kết chất thải rắn sinh hoạt theo Quy định này; thực hiện niêm yết công khai hợp đồng cung ứng dịch vụ đã ký kết của Ủy ban nhân dân cấp huyện với đơn vị cung ứng dịch vụ để người dân có thể giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ; công bố rộng rãi số điện thoại đường dây nóng lĩnh vực môi trường của cấp xã để người dân được biết và phản ánh các vấn đề về môi trường.

3. Tổ chức các hoạt động vệ sinh đường phố, nơi công cộng; vớt, thu gom rác thải rắn trên các sông, rạch, kênh, mương, ven biển trên địa bàn quản lý.

4. Chủ trì, phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, cộng đồng dân cư, các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở để xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom, vận chuyển đến điểm tập kết/trạm trung chuyển.

5. Hướng dẫn chủ nguồn thải chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho cơ sở thu gom, vận chuyển hoặc đến điểm tập kết/ trạm trung chuyển theo đúng Quy định này; hướng dẫn cộng đồng dân cư giám sát và công khai trường hợp không tuân thủ quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

6. Phổ biến thời gian và phương thức chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt đến tất cả chủ nguồn thải trên địa bàn quản lý.

7. Kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; trực tiếp giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị có liên quan đến việc cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền, trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện có biện pháp xử lý theo quy định.



8. Định kỳ 02 (hai) lần/năm (trước ngày 15 tháng 6 và trước ngày 15 tháng 11) tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

9. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc để xảy ra tình trạng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt không đúng quy định, gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn quản lý.

#### **CHƯƠNG IV**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH VÀ CÁ NHÂN CÓ HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT**

#### **Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt**

1. Hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 60 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng Quy định này.

2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ quan, tổ chức có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm tham gia vào hoạt động phân loại, thu gom và lưu theo đúng Quy định này và các quy định của pháp luật về công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt**

1. Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm thực hiện các quy định theo Điều 61 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

2. Quản lý, giữ gìn, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn được giao; thu gom, quét dọn hàng ngày chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên đường, nơi công cộng; vệ sinh hàng ngày điểm tập kết/ trạm trung chuyển trong quá trình vận hành; theo dõi, kiểm tra, phát hiện các trường hợp vi phạm quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, kịp thời báo cáo chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

3. Chỉ ký hợp đồng với chủ cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt có đủ năng lực và đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **Điều 16. Quyền và trách nhiệm của cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt**



1. Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt có quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 62 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

2. Chỉ được tiếp nhận và xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt từ các đơn vị thu gom, vận chuyển đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận và theo Quy định này. Chủng loại, thành phần chất thải rắn sinh hoạt tiếp nhận, xử lý phải phù hợp với quy trình, công nghệ xử lý chất thải của cơ sở.

3. Quản lý, vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy trình công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, đảm bảo hoạt động an toàn và vệ sinh môi trường.

4. Tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường, các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, xử lý ô nhiễm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp phép bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Triển khai thực hiện chương trình giám sát môi trường tại cơ sở và báo cáo kết quả quan trắc môi trường đến cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

5. Xây dựng kế hoạch, chương trình và biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường; thực hiện công tác báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất và chuyên đề theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc địa bàn phục vụ hoặc các sở chuyên ngành cấp tỉnh.

6. Phối hợp với chính quyền địa phương giữ gìn an ninh trật tự, an toàn của khu vực xử lý và xung quanh cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được giao quản lý, vận hành.

### **Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị được giao quản lý, vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt**

1. Chỉ được tiếp nhận và xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định từ các đơn vị thu gom, vận chuyển đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

2. Quản lý, vận hành bãi chôn lấp theo đúng quy trình công nghệ đã được chấp thuận, đảm bảo hoạt động an toàn và vệ sinh môi trường.

3. Xây dựng kế hoạch, chương trình và tuân thủ thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

## **CHƯƠNG V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 18. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí thực hiện Quy định này được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, nguồn vốn ODA, nguồn xã hội hóa và các nguồn tài chính hợp pháp khác.



2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được giao đạt hiệu quả.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng quy trình kiểm tra, giám sát và nghiệm thu, thanh toán các công tác liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo Quy định này.

#### **Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp**

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Quyết định này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung.

Đối với các chủ nguồn thải đã thực hiện ký kết hợp đồng với các cơ sở cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trong đó có nội dung chưa đúng với Quy định này thì phải thực hiện điều chỉnh, bổ sung hoặc ký kết lại hợp đồng cung ứng dịch vụ theo đúng Quy định này.

**Điều 20.** Trong quá trình tổ chức thực hiện, có khó khăn, vướng mắc phát sinh các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.